

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 5 - 2018.

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng;
- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 29/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX - ST ngày 02/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Đội 4 thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Đội 4 thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị L; vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào tháng 01/2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T sống không chung thủy với vợ con, không quan tâm chăm sóc với vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 06/2017 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa

án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày giữa chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 27/9/2007 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung hiện đang do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị L xin nhận trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng T và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh chị L.

Về tài sản chung của vợ chồng chị L xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị L đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T không có mặt. Lời khai của ông Nguyễn Tiến H (là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T) tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Trong thời gian vừa qua gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T, do anh T không có mặt để nhận trực tiếp nên gia đình đã nhận thay và đã thông báo cho anh T đầy đủ. Do anh T phải đi làm không thể lên tòa để làm việc được anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và anh có nhờ gia đình ý kiến với Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn anh, anh T không nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung anh T xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 27/9/2007. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cháu T đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Do không đồng ý ly hôn nên anh T không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T đều cư trú tại huyện N. Nay chị Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T vào tháng 01 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T sống không chung thủy với vợ con, không quan tâm chăm sóc với vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng vợ chồng thường xuyên xảy ra xô

xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 06/2017 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng chị được ly hôn.

Về phía anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T phát sinh, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng chị L và anh T vẫn không được cải thiện, vợ chồng chị L anh T vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của anh Nguyễn Văn T không nhất trí ly hôn nhưng anh T không đưa ra lý do không đồng ý ly hôn, trên thực tế vợ chồng anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện. Do vậy việc anh T không nhất trí ly hôn chị là không có căn cứ do vậy không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 27/9/2007 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung hiện đang do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, phía anh T không có ý kiến gì. Mặt khác cháu T cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L vì vậy giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị L không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của pháp luật được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T đều thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết lên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 27/9/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số BB/2012/06260 ngày 19/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương